

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN**
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2024
V/v: *Ly hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Gia Thắng

2. Bà Nguyễn Thị Kim Trình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh C - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Giang Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc: “*Ly hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1988.

Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Khu T Qu, xã Gi L, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Văn C, chức vụ: Giám đốc chi nhánh huyện Thanh Sơn, Phú Thọ

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Quốc Trường – Phó phòng tổng hợp chi nhánh huyện Thanh Sơn

Địa chỉ: Phố Hoàng Sơn, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Th, anh C có mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Mạnh C kết hôn năm 2008, hai bên được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, tH xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, dẫn tới vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 đến nay không ai còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể khắc phục để trở về đoàn tụ được nữa chị xin ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 20/9/2009 và Nguyễn Bảo M, sinh ngày 18/10/2019. Hiện cháu H đang sống cùng chị, cháu M sống cùng anh C. Ly hôn chị đề nghị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Thanh H và nH quyền nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Bảo M cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị và anh C không cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị Th làm hợp đồng giáo viên mầm non tại xã Thục Luyện, có mức Th nhập hàng tháng từ 4.000.000đ đến 5.000.000đ, đủ điều kiện nuôi cháu H ăn học trường thành.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị có tài sản chung như sau: Thửa đất số 88, tờ bản đồ số 30 diện tích 1.202,4m², trong đó có 100m² đất ở và 1.102,4m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất khu Tân Quang, xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ và 01 ngôi nhà xây năm 2009 cùng toàn bộ công trình phụ trên đất, do bố mẹ anh C cho hai vợ chồng.

Nay chị đề nghị chia cho chị một phần đất phía sau nhà để chị có đất ở theo bản trích đo, phần đất còn lại ngôi cùng ngôi nhà và công trình phụ giao cho anh C sở hữu. anh C phải thanh toán chênh lệch chia tài sản cho chị theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Chị Th và anh C có nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Thanh Sơn số tiền 100.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 2715- LAV 202402511 ngày 18/6/2024. Chị đề nghị ai sử dụng tài sản là phần đất có nhà và công trình phụ thì có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng.

Phía bị đơn anh Nguyễn Mạnh C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C thống nhất về điều kiện, thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian sống ly thân như chị Th trình bày là đúng. Nay chị Th xin ly hôn anh C cũng nhất trí ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, ly hôn để giải phóng cho nhau, sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh và chị Th có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 20/9/2009 và Nguyễn Bảo M, sinh ngày 18/10/2019. Hiện cháu H đang sống cùng chị Th, cháu M sống cùng anh C. Ly hôn anh C xin trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh C đang làm nghề tự do có Th nhập trung bình hàng tháng từ 4.000.000đ đến 5.000.000đ, đủ điều kiện nuôi hai con ăn học trường thành.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh có tài sản chung như sau: Thửa đất số 88, tờ bản đồ số 30 diện tích 1202,4 m², trong đó có 100 m² đất thổ cư và 1102,4 m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất khu Tân Quang, xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ và 01 ngôi nhà và công trình phụ xây dựng trên đất từ năm 2009 do bố mẹ anh là ông Nguyễn Tiến Tăng và bà Bùi Thị Đức xây cho. Ly hôn anh C nhất trí chia cho chị Th phần đất phía sau nhà theo yêu cầu của chị Th nhưng với điều kiện, chị Th không được tách bìa đất đứng tên chị Th mà để khi nào cháu H đủ 18 tuổi sang tên cho cháu H. còn tài sản trên đất anh C đề nghị không chia mà để lại cho các con, anh C có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Nếu chị Th không đồng ý yêu cầu chia theo quy định của Pháp luật.

Về nợ chung của vợ chồng: Anh và chị Th còn nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Thanh Sơn số tiền 100.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 2715- LAV 202402511 ngày 18/6/2024. Đề nghị chia đôi số nợ trên.

Quan điểm của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Thanh Sơn (Agribank): Theo hợp đồng tín dụng số 2715- LAV 202402511 ngày 18/6/2024 thì vợ chồng anh Nguyễn Mạnh C, chị Nguyễn Thị Th có vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Thanh Sơn 100.000.000 đồng, lãi xuất là 10%/năm, thời hạn vay là 36 tháng đến ngày 18/6/2027, lãi xuất quá hạn là 150% mức lãi xuất trong hạn. Tạm tính đến ngày 27/8/2024 Anh C, chị Th còn nợ Ngân hàng 100.000.000 đồng tiền gốc và 750.000đ nợ lãi. Nay anh C chị Th ly hôn, Ngân hàng yêu cầu: Trường hợp chia tài sản chung thì ai là người sở hữu tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, thửa số 88, tờ bản đồ số 30 diện tích 1202,4 m², địa chỉ thửa đất khu Tân Quang, xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ do UBND huyện Thanh Sơn cấp ngày 28/12/2018 đứng tên anh C, chị Th thì người đó có trách nhiệm trả nợ tiền vay, tiền lãi phát sinh, phí phát sinh cho Ngân hàng. Trường hợp không phân chia tài sản thì cả chị Th, anh C phải có trách nhiệm trả nợ tiền vay, tiền lãi phát sinh, phí phát sinh cho Ngân hàng. Do điều kiện công Việc, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt người đại diện Ngân hàng.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 59, khoản 2 Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 38, Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th, xử: Công nhận Thận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Mạnh C.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 20/9/2009. Giao cho anh Nguyễn Mạnh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Bảo M, sinh ngày 18/10/2019, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung:

Giao cho chị Th được sở hữu và sử dụng 404,0 m² đất thửa số 88, tờ bản đồ số 30, địa chỉ thửa đất khu 2, xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ theo các chỉ giới 7', 8, 9, 10, 11, 12, 12', 14, 7', trong đó có 50m² đất ở và 354m² đất trồng cây lâu năm và được quyền sở hữu 58 mét tường rào xây gạch xi.

Giao cho anh C được sở hữu và sử dụng 798,4m² đất tại thửa số 88, tờ bản đồ số 30, địa chỉ thửa đất khu 2, xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ theo các chỉ giới 1,2,3,4,5,6,7,7', 14,12,13,1, trong đó có 50m² đất ở và 748,4m² đất trồng cây lâu năm và được quyền sở hữu 01 nhà xây cấp 4 diện tích là 78,6 m², 01 nhà bếp diện tích 37,5 m² mái lợp phibroximang, khu vệ sinh, giếng nước, Sân, cổng, 33 mét tường rào và toàn bộ công trình phụ cùng cây cối hoa màu trên đất.

Về nợ chung: Giao cho anh C có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Thanh Sơn số tiền 100.000.000đ nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 2715- LAV 202402511 ngày 18/6/2024.

Anh C phải thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản cho chị Th theo quy định của pháp luật và có xem xét đến công sức đóng góp của từng người trong khối tài sản chung.

Về án phí, lệ phí: Chị Th anh C phải chịu án phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh C, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Cả chị Th và anh C đều có nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay tại xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn vì vậy vụ án Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th, anh C kết hôn năm 2008 hai bên được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng: Cả chị Th và anh C đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó tH nảy sinh mâu thuẫn cãi vã xung đột, đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 5 năm 2024 đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Th xin ly hôn anh C. Anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục nên cũng nhất trí ly hôn chị Th. Hội đồng xét xử căn công nhận Thận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Mạnh C là phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Th và anh C đều xác định anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 20/9/2009 và cháu Nguyễn Bảo M, sinh ngày 18/10/2019. Ly hôn, chị Th xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H và đồng ý Giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu M, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị Th và anh C đều khẳng định chị Th làm hợp đồng Giáo viên mầm non tại xã Thục Luyện, huyện Thanh Sơn có Th nhập trung bình hàng tháng từ 4.000.000đ đến 5.000.000đ. Anh C làm nghề tự do có Th nhập trung bình hàng tháng từ 4.000.000đ đến 5.000.000đ. HĐXX thấy rằng: Việc xin nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của anh C, chị Th là nguyện vọng chính đáng. Nhưng xét thực tế điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con của chị Th và anh C là có điều kiện như nhau. Nguyện vọng của cháu H cũng muốn được ở với chị Th, do vậy cần giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, chị Th và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung:

Chị Th và anh C thống nhất sau khi kết hôn, bố mẹ anh làm nhà cất đất cho vợ chồng ra ở riêng tại Thửa đất số 88, tờ bản đồ số 30 diện tích 1.202,4 m², trong đó có 100 m² đất thổ cư và 1102,4 m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất khu 2 (Nay là khu Tân Quang), xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Anh C, chị Th đều nhất trí với kết quả xem xét thẩm định ngày 07/8/2024 và kết quả định giá tài sản ngày 22/8/2024 của HĐĐG tài sản huyện Thanh Sơn kết luận:

Về giá trị tài sản trên đất gồm nhà ở cùng các công trình phụ trên đất, theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản gồm: 01 nhà cấp 4 = 205.443.000đ; 01 nhà bếp = 29.745.000đ; Khu vệ sinh = 23.961.000đ; Giếng và sân giếng nước = 5.059.000; Sân và cổng = 6.752.000; 91 mét tường bao = 20.748.000đ; đất ở = 23.000.000đ; đất trồng cây lâu năm = 41.120.000đ. Tổng giá trị tài sản của vợ chồng anh C là 355.828.000đ

Hai bên không tự phân chia tài sản được nên đề nghị Tòa án chia theo quy định của pháp luật. HĐXX thấy rằng:

Quan điểm của chị Th: Đề nghị HĐXX chia cho chị Th một phần đất phía sau nhà theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất là 404.0m² để chị Th có chỗ ở sau khi ly hôn. Diện tích đất còn lại 798,4m² giao cho anh C sử dụng và giao cho anh C sở hữu nhà lớn, nhà bếp và toàn bộ công trình xây dựng trên đất, anh C phải thanh toán chênh lệch chia tài sản cho chị Th theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của anh C: Anh C nhất trí chia cho chị Th phần đất phía sau nhà theo yêu cầu của chị Th nhưng với điều kiện, chị Th không được tách bìa đất đứng tên chị Th mà để khi nào cháu H đủ 18 tuổi sang tên cho cháu H. còn tài sản trên đất anh C đề nghị không chia mà để lại cho các con, anh C có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Nếu chị Th không đồng ý anh C yêu cầu chia theo quy định của Pháp luật.

Xét yêu cầu của các bên, HĐXX thấy rằng: Toàn bộ tài sản của anh C, chị Th gồm nhà, đất, công trình phụ trên đất là của bố mẹ anh C là ông Nguyễn Tiến Tăng và bà Bùi Thị Đức cho từ năm 2009. Năm 2012 ông Tăng, bà Đức làm thủ tục tách bìa đất cho anh C, chị Th, ngày 23/7/2012 UBND huyện Thanh Sơn cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên anh C chị Th, năm 2018 anh C, chị Th xin cấp đổi lại Giấy chứng nhận QSDĐ và ngày 28/12/2018 UBND huyện Thanh Sơn cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên anh C chị Th, ngôi nhà cấp 4, nhà bếp và công trình phụ đều do bố mẹ anh C xây dựng cho, do vậy xác định, nhà đất trên Thộc sở hữu chung của vợ chồng, anh C là người có công đóng góp khối tài sản chung nhiều hơn chị Th. Nay chị Th yêu cầu được chia một phần đất phía sau nhà để chị có chỗ làm nhà và giao diện tích đất còn lại cùng các tài sản khác cho anh C sở hữu, anh C thanh toán chênh lệch chia tài sản cho chị Th là phù hợp, cần được chấp nhận. Anh C chỉ đồng ý chia đất phía sau nhà cho chị Th nhưng không đồng ý cho chị Th đứng tên và không đồng ý chia tài sản là nhà và công trình phụ khác là không có căn cứ.

Về đất thửa đất số 88, tờ bản đồ số 30 diện tích 1.202,4 m² đứng tên anh C chị Th rất rộng nhưng chỉ có 100 m² đất ở, còn lại 1.102,4 m² đất trồng cây lâu năm, hiện nay anh C, chị Th đã xây dựng nhà cấp 4 diện tích 78,6 m² nhà bếp là 37,5 m² vào giữa đất, ngoài ra còn các công trình phụ khác. Tuy nhiên thửa đất anh C chị Th được giao không xác định đâu là vị trí đất ở và đâu là vị trí đất trồng cây lâu năm. Nay chị Th yêu cầu chia đất cho chị Th. Căn cứ quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, Điều 8, Điều 9 của Quyết định quy định, khi tách thửa đối với đất ở cũng như đất trồng cây lâu năm phải bảo đảm điều kiện về đường đi, chiều rộng tiếp giáp mặt đường, chiều rộng các cạnh của thửa đất và diện tích thửa đất mới để tách thửa. Đối chiếu với các quy định trên thì phần đất phía sau nhà anh C chị Th có đủ điều kiện để tách thửa theo quy định của pháp luật. Do vậy cần Giao cho chị Th được sở hữu và sử dụng 404,0 m² đất, trong đó có 50m² đất ở và 354,0 m² đất trồng cây lâu năm tại thửa số 88, tờ bản đồ số 30, địa chỉ thửa đất khu 2, xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ đứng tên anh C chị Th theo các chỉ giới 7 ,

8, 9, 10, 11, 12, 12', 14, 7' và được quyền sở hữu 58 mét tường rào xây gạch xi cùng toàn bộ cây cối hoa màu trên đất, Tổng giá trị tài sản chị Th được hưởng là 37.928.000đ

Giao cho anh C được sở hữu và sử dụng 798,4m² đất tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 30, địa chỉ thửa đất khu 2, xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ trong đó có 50 m² đất ở và 748,4 m² đất trồng cây lâu năm tại thửa số 88, tờ bản đồ số 30, địa chỉ thửa đất khu 2, xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ đứng tên anh C và chị Th, theo các chỉ giới 1,2,3,4,5,6,7,7', 14,12',13,1 và được quyền sở hữu 01 nhà xây cấp 4 diện tích là 78,6 m², 01 nhà bếp diện tích 37,5 m² mái lợp phibroximang, khu vệ sinh, giếng nước, Sân, cổng, 23,85 mét tường rào cùng cây cối hoa màu trên đất. Tổng giá trị tài sản anh C được hưởng là 317.900.000đ.

[5] Về nợ chung: Anh C và chị Th xác nhận vợ chồng có nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Thanh Sơn số tiền 100.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 2715- LAV 202402511 ngày 18/6/2024, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất là 10%/ năm, lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có bảo đảm bằng tài sản. Nay anh chị ly hôn đại diện Ngân hàng yêu cầu cả hai anh chị phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, trường hợp chia tài sản của vợ chồng thì giao nhà và đất cho ai sở hữu thì giao cho người đó trả nợ cho Ngân hàng Ngân hàng 100.000.000 đồng tiền gốc và 750.000đ nợ lãi tính đến ngày 27/8/2024. Anh C được sở hữu phần đất ở và nhà trị giá 317.900.000đ đảm bảo đối với khoản vay của Ngân hàng nên cần giao cho anh C có trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng khi đến hạn là phù hợp.

[6] Đối với việc thanh toán chênh lệch chia tài sản chung: Sau khi đối trừ số nợ Ngân hàng, giá trị tài sản của chị Th anh C còn lại 255.078.000đ, Tài sản trên là của bố mẹ anh C cho vợ chồng nên xác định anh C có công sức đóng góp trong khối tài sản chung nhiều hơn chị Th, nên cần chia theo tỷ lệ, chị Th 1/3, anh C 2/3 giá trị tài sản là phù hợp, Chị Th được chia tài sản là đồ vật trị giá 37.928.000đ, anh C được chia tài sản là đồ vật có trị giá 317.900.000đ, sau khi trừ đi số nợ anh C còn được hưởng 217.150.000đ, do vậy anh C phải thanh toán chênh lệch chia tài sản cho chị Th từ 50.000.000đ triệu đến 55.000.000đ là phù hợp.

[7] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị Th, anh C mỗi người phải chịu 1/2 án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Th, anh C phải chịu án phí về việc chia tài sản chung và án phí về nghĩa tài sản khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[9] Về chi phí tố tụng: Chị Th, anh C mỗi người phải chịu ½ tiền phí đo đạc và chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 2.500.000đ, chị Th đã nộp 5.000.000đ tiền chi phí tố tụng, cần buộc anh C phải hoàn trả cho chị Th 2.500.000đ.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 59, khoản 2 Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự Thận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Mạnh C.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 20/9/2009. Giao cho anh Nguyễn Mạnh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Bảo M, sinh ngày 18/10/2019, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

Giao cho chị Th được sở hữu và sử dụng 404,0 m² đất, thửa số 88, tờ bản đồ số 30, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Nguyễn Mạnh C và chị Nguyễn Thị Th, địa chỉ thửa đất khu 2, xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ theo các chỉ giới 7', 8, 9, 10, 11, 12, 12', 14, 7', trong đó có 50m² đất ở lâu dài và 354m² đất trồng cây lâu năm (thời hạn sử dụng đến ngày 01/7/2064) trị giá 24.704.000đ (Có sơ đồ kèm theo) và được quyền sở hữu 58 mét tường rào xây gạch xi trị giá 13.224.000đ, trị giá tài sản chia cho chị Th là 37.928.000đ (Ba bảy triệu chín trăm hai tám nghìn đồng).

Giao cho anh C được sở hữu và sử dụng 798,4m² đất tại thửa số 88, tờ bản đồ số 30, địa chỉ thửa đất khu 2, xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ theo các chỉ giới 1,2,3,4,5,6,7,7', 14,12',13,1, trong đó có 50m² đất ở lâu dài và 748,4m² đất trồng cây lâu năm (thời hạn sử dụng, 213,4 m² đến ngày 01/7/2064, 535,0 m² đến năm 2043) trị giá 39.416.000đ(Có sơ đồ kèm theo) và được quyền sở hữu 01 nhà xây cấp 4 diện tích là 78,6 m²=205.443.000đ, 01 nhà bếp diện tích 37,5 m² mái lợp phibroximang = 29.745.000đ, khu vệ sinh = 23.961.000đ, giếng nước +sàn giếng = 5.059.000đ, Sân và cổng = 6.752.000đ, 33 mét tường bao = 7.524.000đ và toàn bộ công trình phụ cùng cây cối hoa màu trên đất, trị giá tài sản chia cho anh C là 317.900.000đ (Ba bảy triệu chín trăm hai tám nghìn đồng).

Về nợ chung: Giao cho anh C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Thanh Sơn số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) nợ gốc, 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) nợ lãi tính

đến ngày 27/8/2024 và lãi phát sinh khi đến hạn theo hợp đồng tín dụng số 2715- LAV 202402511 ngày 18/6/2024.

3. Anh C phải thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản cho chị Th 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Anh C còn được hưởng giá trị tài sản là 167.150.000đ (Một trăm sáu bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị Th được hưởng giá trị tài sản là 87.928.000đ (Tám bảy triệu chín trăm hai tám nghìn đồng).

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Mạnh C mỗi người phải chịu 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền phí đo đạc; Tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Xác nhận chị Th đã nộp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tạm ứng chi phí tố tụng. Buộc anh C phải hoàn trả cho chị Th 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) .

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đối với số tiền nợ có thỏa Thận lãi xuất và kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền không có thỏa Thận lãi xuất, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên có thỏa Thận, đối với số tiền không có thỏa Thận lãi xuất theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Chị Th phải chịu 75.000đ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Th phải nộp 4.396.400đ án phí chia tài sản và 2.518.750đ án phí nghĩa vụ về tài sản chung, cả ba khoản chị Th phải nộp là 6.990.150đ, làm tròn là 6.990.000đ (Sáu triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng). Xác nhận Chị Th đã nộp 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai Th số 0004337 ngày 17/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn. Chị Th còn phải nộp 5.190.000đ (Năm triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

Anh C phải chịu: 75.000đ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; 8.357.500đ án phí chia tài sản và 2.518.750đ án phí nghĩa vụ về tài sản chung, cả ba khoản anh C phải nộp là 10.951.250đ, làm tròn = 10.951.000đ (Mười triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9

luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thanh Sơn;
- UBND xã Giáp Lai
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khắc Vĩnh